UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ VĨNH TƯỜNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 421 /BC-UBND	*Vĩnh Tường, ngày 15 tháng 09 năm 2026*

BÁO CÁO

Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia của UBND xã Vĩnh Tường 9 tháng đầu năm 2026

A. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên

- UBND xã đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Từ ngày 01/01/2026 đến nay, UBND xã đã tổ chức 01 hội nghị triển khai công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số và Đề án 06 năm 2026; UBND xã phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo triệu tập thành phần tham gia 09 hội nghị trực tiếp, trực tuyến tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng số và sử dụng phần mềm, trí tuệ nhân tại AI trên các lĩnh vực; thành phần tham dự hội nghị gồm các đồng chí lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân, học sinh… tạo sự thống nhất cao về nhận thức, hành động, xác định rõ đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng của cả hệ thống chính trị.

- Việc tuyên truyền nghị quyết số 57-NQ/TW còn được cụ thể hóa qua các hình thức vận động người dân thực hiện các kỹ năng số cơ bản như: cài đặt ứng dụng VNeID, đăng ký tài khoản dịch vụ công trực tuyến, sử dụng thanh toán điện tử, khai thác thông tin qua Internet. Đặc biệt, Công an xã Vĩnh Tường phối hợp với Tổ Công nghệ số cộng đồng; Tổ Công tác tuyên truyền, hướng dẫn kích hoạt sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng tài khoản định danh điện tử VNeID đã triển khai nhiều đợt hướng dẫn người dân cài đặt tài khoản an sinh xã hội; tích hợp Bảo hiểm y tế, sổ khám sức khỏe điện tử trên ứng dụng Vneid và đạt được những kết quả khả quan.

Thông qua công tác tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử của UBND xã: (có địa chỉ https://vinhtuong.phutho.gov.vn/) có chuyên mục về " Chuyển đổi số" với tần xuất 2 bài/tháng, tuyên truyền triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số", tuyên truyền về thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW, về phát triển khoa học, chuyển đổi số trên địa bàn xã

Ngoài ra, xã có sử dụng hệ thống truyền thanh cơ sở để thường xuyên thông báo, hướng dẫn người dân về dịch vụ công trực tuyến, hướng dẫn người dân về những thay đổi thủ tục hành chính sau sáp nhập và cách thức sử dụng dịch vụ công trực

tuyến với tần xuất 2 lần trên tuần đồng thời tuyên truyền trên các trang mạng xã hội như:

1. Facebook Vĩnh Tường- Tin tức 24h, có địa chỉ tại: https://www.facebook.com/profile.php?id=61578307731793

2. Fanpage Chuyển đổi số xã Vĩnh Tường, có địa chỉ tại: https://www.facebook.com/chuyendoisoxavinhtuong

3. Fanpage Giáo dục xã Vĩnh Tường, có địa chỉ tại: https://www.facebook.com/giaoducxavinhtuong

4.Youtobe xavinhtuong phutho có địa chỉ tại: https://www.youtube.com/@xavinhtuongphutho

5.Youtobe Chuyển đổi số Vĩnh Tường có địa chỉ tại: https://www.youtube.com/@ChuyenoisoVinhTuong/featured

Để cụ thể hóa các nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW đồng thời để nâng cao chất lượng công dân số, cũng như nhằm khắc phục hạn chế của phương thức tuyên truyền truyền thống còn khô cứng, hiệu quả thấp, đặc biệt sau khi sáp nhập đơn vị hành chính khiến nhiều thủ tục thay đổi, người dân gặp khó khăn khi tiếp cận, đồng thời để nâng cao chất lượng công dân số, cũng như để người dân hạn chế cảnh chờ đợi khi đến trực tiếp làm thủ tục tại các cơ quan nhà nước, đỡ tốn thời gian, đỡ tốn công đi lại và tuyên truyền cho nhiều người dân biết cách thực hiện các thủ tục hành chính trực tuyến, giảm áp lực cho cán bộ hướng dẫn công dân ở bộ phận hành chính công, UBND xã chỉ đạo Phòng Văn hóa phối hợp với các đơn vị, cơ quan, trường học trên địa bàn xây dựng kịch bản, tổ chức ghi hình và tham gia diễn xuất trong 25 video hướng dẫn công dân thực hiện trực tuyến 25 thủ tục hành chính thường xuyên phát sinh tại cấp xã. Nội dung video được xây dựng dưới dạng tiểu phẩm gồm 2 phần (phần 1 là các tình huống thực tế phát sinh, diễn viên do người dân và cán bộ tham gia diễn xuất, dẫn dắt sang phần 2 là hướng dẫn từng thao tác để thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến). Các video đều lấy cảm hứng từ các tình huống phát sinh trong thực tế, với đối tượng chính hướng đến là người dân, theo phương châm "cầm tay chỉ việc" để ngay cả những người dân không có kỹ năng công nghệ cũng có thể làm theo và thực hiện được. Nội dung video gắn với các thủ tục hành chính phổ biến, sử dụng hình ảnh tại bộ phận một cửa và giao diện thật, tạo sự tin tưởng cho người dân.

Bộ video sau khi hoàn thành được tuyên truyền, phổ biến, lan tỏa rộng rãi đến thôn dân cư, trường học trên địa bàn và cộng đồng dân cư, được thông báo rộng rãi đến cán bộ, công chức, người lao động thông qua các hội nhóm, các kênh truyền thông mạng xã hội: Fanpage; Facebook; Youtube và nhận được sự quan tâm, hưởng ứng của công dân. Không chỉ phục vụ tuyên truyền, bộ video còn là tài liệu hữu ích cho các tổ công nghệ số cộng đồng và các lớp tập huấn. Qua đó, mô hình đã tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực, nâng cao hiệu quả cải cách hành chính và thúc đẩy chuyển đổi số tại địa phương.

Phát huy vai trò nòng cốt trong công tác tuyên truyền, vận động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã tích cực phối hợp triển khai nhiều hoạt động thiết thực nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trong Nhân dân. Trong đó, Đoàn Thanh niên đã tổ chức các đợt ra quân trực tiếp hỗ trợ người dân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của xã, cử đoàn viên hướng dẫn tạo tài khoản, nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công quốc gia, cài đặt và sử dụng các ứng dụng số như VNeID, thanh toán không dùng tiền mặt… Qua các đợt triển khai, đã hỗ trợ hàng trăm lượt người dân tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, góp phần nâng cao nhận thức và kỹ năng số trong cộng đồng.

2. Các văn bản đã ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện và các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên

Trên cơ sở các văn bản, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh, Ban Chỉ đạo xã, Ủy ban nhân dân xã đã cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch công tác phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, gắn trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu, bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ và rõ kết quả, nhằm huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết đề ra, cụ thể: Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 27/03/2026, về Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã Vĩnh Tường năm 2026.

UBND xã Vĩnh Tường đã thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 theo Quyết định số 120/QĐ-BCĐ ngày 29/7/2025, gồm 13 thành viên, do Chủ tịch UBND xã làm Trưởng Ban Chỉ đạo. Thành viên gồm lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị trực thuộc UBND xã, Trưởng Công an xã; đồng thời mời tham gia một số thành phần có liên quan như Chánh Văn phòng Đảng ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam xã kiêm Bí thư Đoàn Thanh niên và Giám đốc Trung tâm Y tế khu vực.

Sau khi thành lập, Ban Chỉ đạo đã ban hành Quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, bảo đảm hoạt động tập trung, thống nhất, rõ trách nhiệm, chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền trong quá trình tổ chức thực hiện.

Để tham mưu, giúp việc cho Ban Chỉ đạo, xã đã thành lập và kiện toàn Tổ giúp việc, gồm Tổ trưởng, Tổ phó, Thư ký và các thành viên là cán bộ, công chức chuyên môn, có nhiệm vụ nghiên cứu, tham mưu, tổng hợp, theo dõi và hỗ trợ Ban Chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ được giao.

Ban Chỉ đạo đồng thời thành lập 02 Tổ công tác chuyên trách, gồm:

Tổ công tác triển khai Đề án 06, cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số gắn với Đề án 06, thành lập theo Quyết định số 768/QĐ-BCĐ, do Trưởng Công an xã làm Tổ trưởng;

Tổ công tác về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và cải cách thủ tục hành chính *(trừ các nhiệm vụ liên quan đến cải cách thủ*

tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06), thành lập theo Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 31/7/2025, do Trưởng Phòng Văn hóa - Xã hội làm Tổ trưởng.

Bên cạnh đó, UBND xã đã thành lập 37 Tổ Công nghệ số cộng đồng tại 37 thôn theo Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 22/8/2025, tạo lực lượng hỗ trợ chuyển đổi số trực tiếp tại cơ sở; đồng thời thành lập Tổ Công tác tuyên truyền, hướng dẫn kích hoạt Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID theo Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 29/5/2026, từng bước hình thành mạng lưới hỗ trợ đến tận hộ dân.

Ngoài ra, UBND xã Vĩnh Tường tiếp tục triển khai các nhiệm vụ chuyên đề về kỹ năng số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, sổ sức khỏe điện tử trên VNeID, đề án 06, làm sạch dữ liệu và các nhiệm vụ chuyển đổi số theo chỉ đạo của cấp trên. Tính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 15/8/2026 UBND xã ban hành khoảng 92 văn bản chỉ đạo điều hành, trong đó: Thể lệ 01; Thông báo 01, Giấy mời 01, Báo cáo 15, Kế hoạch 14, Công văn 48, Quyết định 09; Tờ trình: 03;

(Có phụ lục các văn bản kèm theo – PHỤ LỤC 1)

3. **Công tác kiểm tra, giám sát**

Công tác kiểm tra, giám sát được các lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc, đồng bộ. UBKT Đảng ủy xây dựng và ban hành chương trình kiểm tra giám sát năm 2026, toàn khóa 2025-2030 trong đó có nội dung kiểm tra, giám sát việc triển khai thực Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Quyết định số 204-QĐ/TW của Ban Bí thư. Xây dựng và ban hành Kế hoạch số 06-KH/UBKTĐU, ngày 29/1/2026 về tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 253-KH/UBKTTW, ngày 01/8/2025 của Uỷ ban kiểm tra Trung ương và Kế hoạch số 05-KH/UBKTTU, ngày 29/8/2025 của Uỷ ban kiểm tra Tỉnh uỷ Phú Thọ về chuyển đổi số năm 2026 của Ngành kiểm tra Đảng; Kế hoạch số 07-KH/UBKTĐU, ngày 29/1/2026 phổ biến, tuyên truyền về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng năm 2026; Kế hoạch số 08-KH/UBKTĐU, ngày 10/3/2026 triển khai thực hiện Kế hoạch 09-KH/UBKTTU, ngày 30/01/2026 của Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57 và Đề án chuyển đổi số năm 2026.

Ủy ban MTTQ xã ban hành Kế hoạch số 22/KH-MTTQ ngày 30/03/2026 về việc triển khai giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Quyết định số 204-QĐ/TW của Ban Bí thư trên địa bàn xã Vĩnh Tường năm 2026.

Công tác giám sát thường xuyên được duy trì thông qua việc báo cáo tiến độ hằng ngày trên hệ thống giám sát; báo cáo kết quả hằng tuần, tháng với UBKT Tỉnh ủy trên Zalo nhóm, bảo đảm kịp thời nắm bắt tình hình, kiểm soát tiến độ, khắc phục hạn chế, không để xảy ra tình trạng chậm muộn.

4. Việc tổ chức sơ kết, tổng kết triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

Việc tổ chức sơ kết, tổng kết triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW được UBND xã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc theo quy chế hoạt động. Thực hiện việc sơ kết, tổng kết lồng ghép trong các hội nghị tổng kết công tác chính quyền năm 2026; Trên cơ sở đó, UBND xã chỉ đạo rà soát, đánh giá kết quả thực hiện, làm rõ những nội dung đã triển khai, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; đề ra nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới. Ngoài ra việc đánh giá sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện Nghị quyết được thể hiện thông qua việc xây dựng các báo cáo quý, báo cáo 6 tháng, báo cáo 1 năm thực hiện như: Báo cáo số 129/BC-UBND ngày 31/03/2026 về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Quyết định 204-QĐ/TW của Ban Bí thư của UBND xã Vĩnh Tường (Quý I/2026). Báo cáo số 291/BC-UBND ngày 22/6/2026 của UBND xã Vĩnh Tường về kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia của UBND xã Vĩnh Tường 6 tháng đầu năm 2026. Báo cáo số 378/BC-UBND ngày 20/08/2026 của UBND xã Vĩnh Tường về Kết quả triển khai, thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã Vĩnh Tường.

5. Việc kiểm tra, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Ủy ban nhân dân xã đã xác định công tác kiểm tra, đôn đốc là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm bảo đảm các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ được triển khai đồng bộ, hiệu quả.

Ủy ban nhân dân xã đã ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện; phân công rõ trách nhiệm cho từng cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức phụ trách các lĩnh vực liên quan. Đồng thời giao Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số xã thường xuyên theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra.

Trong quá trình triển khai, UBND xã thường xuyên tổ chức các cuộc họp thường kỳ, lồng ghép nội dung kiểm điểm tiến độ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW vào các cuộc họp Ban Chỉ đạo[1], họp thường kỳ hằng tháng[2] của UBND xã để kịp thời đánh giá kết quả thực hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và chỉ đạo xử lý đối với các nhiệm vụ chậm tiến độ. Đối với các chỉ tiêu về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính, phát triển dữ liệu số, dịch vụ công trực tuyến và phong trào "Bình dân học vụ số", UBND xã giao các cơ quan chuyên

[1] Công văn số 55/UBND-VHXH ngày 09/01/2026 của UBND xã Vĩnh Tường về việc mời họp triển khai công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số và Đề án 06 năm 2026.

[2] Công văn số 1086/UBND-VP ngày 21/4/2026 của UBND xã Vĩnh Tường về việc mời dự phiên họp thường kỳ UBND xã tháng 4/2026; Công văn số 1897/UBND-VP ngày 23/6/2026 của UBND xã Vĩnh Tường về việc mời dự phiên họp thường kỳ UBND xã tháng 6/2026.

môn thường xuyên rà soát, cập nhật số liệu, báo cáo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

UBND xã đã thành lập các tổ công tác và phân công cán bộ trực tiếp kiểm tra việc triển khai nhiệm vụ tại các cơ quan, đơn vị, trường học[3] trên địa bàn; tập trung kiểm tra việc xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết, tiến độ hoàn thành các chỉ tiêu được giao, việc ứng dụng các nền tảng số dùng chung, sử dụng chữ ký số, số hóa hồ sơ, khai thác cơ sở dữ liệu, thực hiện dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm an toàn thông tin mạng và các nhiệm vụ chuyển đổi số theo quy định.

Thông qua công tác kiểm tra, UBND xã đã kịp thời phát hiện một số khó khăn như: hạ tầng công nghệ thông tin tại một số đơn vị còn hạn chế; một số phần mềm chuyên ngành chưa đồng bộ, còn phát sinh lỗi trong quá trình sử dụng; năng lực ứng dụng công nghệ số của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đồng đều; kinh phí đầu tư cho chuyển đổi số còn hạn chế. Trên cơ sở đó, UBND xã đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch khắc phục, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức và chủ động đề xuất các giải pháp, nguồn lực để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

Bên cạnh công tác kiểm tra nội bộ, UBND xã nghiêm túc phối hợp, chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu và báo cáo phục vụ các đoàn kiểm tra, giám sát của cấp trên. Công tác kiểm tra, đôn đốc được thực hiện thường xuyên đã góp phần nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đối với nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

Ngoài ra, UBND xã và các cơ quan, đơn vị thực hiện đầy đủ, kịp thời việc báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW hằng tuần, hằng tháng, quý, năm trên trang http://theodoinq.dcs.vn/; https://iocnhaplieu.vnptphutho.vn/ và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

B. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

I. Về công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện

1. Kết quả thực hiện

- Năm 2026, UBND xã ban hành Kế hoạch số 125/KH-UBND, ngày 27/03/2026 về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã Vĩnh Tường năm 2026 đề ra 20 chỉ tiêu chủ yếu (Trong đó, 16 chỉ tiêu đã hoàn thành, 03 chỉ tiêu đang thực hiện, 01 chỉ tiêu chưa triển khai) và 59 nhiệm vụ trọng tâm cụ thể. Trong 9 tháng đầu năm 2026, xã hoàn thành 53% trên tổng số nhiệm vụ được giao, trong đó: Đã hoàn thành 31 nhiệm

[3] Kế hoạch số 195/KH-UBND ngày 05/05/2026 của UBND xã Vĩnh Tường về kiểm tra đánh giá ngoài mức độ chuyển đổi số; công tác bảo đảm an toàn thông tin trong các cơ sở giáo dục trực thuộc xã năm học 2025-2026.

vụ, 21 nhiệm vụ thường xuyên đang thực hiện, 03 nhiệm vụ chờ Tỉnh triển khai, 04 nhiệm vụ chưa triển khai.

(Chi tiết tại Phụ lục 2 - Các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm).

Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số được giao năm 2026 tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã như sau:

Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính đạt 100% (*vượt chỉ tiêu tối thiểu 90% kế hoạch giao*);

Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đạt 99,98% (*vượt chỉ tiêu tối thiểu 90% kế hoạch giao*);

Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100% (*đạt 100% chỉ tiêu giao*);

Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 92,86% (*chưa đạt chỉ tiêu 100% theo kế hoạch*);

Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa đạt 96,94% (*vượt chỉ tiêu 95% kế hoạch giao*);

Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp đạt 97,47% (*vượt chỉ tiêu 95% kế hoạch giao*).

100% hồ sơ công việc của các cơ quan Nhà nước được thực hiện trên môi trường điện tử (*trừ các văn bản bắt buộc áp dụng phương thức khác theo quy định*);

100% các quy trình lõi trong 4 khối cơ quan của hệ thống chính trị được tái cấu trúc, chuẩn hóa, số hóa và được đưa lên môi trường số (các hệ thống phần mềm nghiệp vụ) để phục vụ hoạt động hiệu quả;

100% cán bộ giải quyết TTHC trong các cơ quan nhà nước được trang bị chữ ký số cá nhân theo quy định và được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản gắn với vị trí việc làm;

100% các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước được đánh giá, bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

2. Về tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp

2.1. Trong kỳ báo cáo, xã Vĩnh Tường chưa tiếp nhận được phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thông qua hệ thống pakn.nq57.vn, cũng như các kênh tiếp nhận khác.

2.2. Về sáng kiến, giải pháp: Trong quý I năm 2026, xã tiếp nhận 05 đề nghị công nhận sáng kiến cấp cơ sở đối với lĩnh vực giáo dục. Thực hiện các hồ sơ thủ tục để đề nghị cơ quan chuyên môn cấp tỉnh chứng nhận 06 sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong phạm vi tỉnh Phú Thọ và 01 sáng kiến cấp toàn quốc đối với 01 sáng kiến. Trong quý II năm 2026, xã đã công nhận 133 tác giả có sáng kiến cấp cơ sở đối với lĩnh vực giáo dục, và đề nghị 08 sáng kiến có khả năng nhân rộng trong phạm vi tỉnh Phú Thọ.

II. Về hoàn thiện thể chế, chính sách

1. Tình hình, kết quả thực hiện

Công tác xây dựng thể chế, chính sách ở cấp xã chủ yếu tập trung vào việc cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo của cấp trên thành các kế hoạch, chương trình hành động phù hợp với điều kiện thực tế. Các nội dung ưu tiên gồm: đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số; tăng cường sử dụng phần mềm quản lý văn bản, phần mềm một cửa điện tử; khuyến khích cán bộ, công chức và Nhân dân tiếp cận, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số cơ bản, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận, cán bộ phụ trách các lĩnh vực. Đồng thời, thực hiện rà soát các quy chế làm việc, quy định nội bộ để từng bước bổ sung nội dung ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số trong quá trình quản lý, điều hành. Qua rà soát, đã kịp thời phát hiện những nội dung còn chồng chéo, chưa phù hợp với thực tiễn hoặc chưa được quy định đầy đủ để tham mưu xem xét điều chỉnh, bổ sung theo quy định. Trên cơ sở đó, chủ động tổng hợp những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện; đề xuất hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và triển khai chuyển đổi số đồng bộ, hiệu quả. Việc tham mưu được thực hiện bảo đảm nguyên tắc phân cấp, phân quyền rõ ràng gắn với việc khai thác, quản lý và sử dụng nền tảng số, dữ liệu số, góp phần nâng cao tính thống nhất, thông suốt trong quản lý, điều hành.

Đoàn thanh niên xã đã thành lập *"Đội hình thanh niên tình nguyện tiếp sức Hành chính công",* qua đó hỗ trợ người dân giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; xây dựng video hướng dẫn người dân giải quyết TTHC; thành lập và duy trì tổ Thanh niên tình nguyện chuyển đổi số tại 37 thôn dân cư, hướng dẫn người dân cài đặt VNeID, mở Sổ tay Đảng viên điện tử, tích hợp tài khoản an sinh xã hội, tuyên truyền thanh toán không dùng tiền mặt… với sự tham gia của hơn 2000 lượt đoàn viên thanh niên, hỗ trợ cho hàng nghìn người dân trên địa bàn.

2. Nhận xét, đánh giá

Ưu điểm: UBND xã đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc cụ thể hóa các chủ trương, định hướng của Trung ương, của tỉnh về chuyển đổi số; từng bước lồng ghép nội dung chuyển đổi số vào các nghị quyết, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Công tác rà soát, tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được quan tâm triển khai. Công tác xây dựng, ban hành văn bản cơ bản bảo đảm đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định; bước đầu hình thành khung định hướng triển khai chuyển đổi số tại xã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và từng bước bảo đảm phân cấp, phân quyền gắn với nền tảng số, dữ liệu số.

Khó khăn, vướng mắc: Hệ thống văn bản pháp luật về chuyển đổi số còn đang trong quá trình hoàn thiện, một số nội dung chưa cụ thể, gây khó khăn trong việc áp dụng tại cơ sở.

Nguyên nhân: Chuyển đổi số là lĩnh vực mới, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, trong khi hệ thống thể chế, chính sách của cấp trên chưa hoàn thiện đồng bộ. Cấp xã không có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách lớn, chủ yếu thực hiện theo văn bản hướng dẫn của cấp trên.

Giải pháp khắc phục: Tăng cường sự lãnh đạo, trách nhiệm của UBND xã trong công tác rà soát, bổ sung, hoàn thiện các văn bản chỉ đạo, điều hành. Xây dựng và ban hành các quy chế, quy định nội bộ phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Phát huy vai trò tham mưu của cơ quan Thường trực BCĐ, Tổ giúp việc BCĐ trong đề xuất, cụ thể hóa chủ trương của cấp trên về chuyển đổi số. Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức trong công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản về chuyển đổi số. Chủ động phối hợp với các cơ quan cấp trên để được hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai.

III. Về chuyển đổi số

1. Chuyển đổi số trong hệ thống chính trị

1.1. Về hạ tầng số dùng chung

a) Tình hình kết quả thực hiện: Thực trạng hạ tầng công nghệ thông tin của xã cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và triển khai chuyển đổi số. Cụ thể:

Về thiết bị, hạ tầng: hệ thống máy tính, mạng nội bộ và đường truyền internet được trang bị đầy đủ tại các bộ phận chuyên môn, bảo đảm phục vụ xử lý công việc trên môi trường điện tử[4].

(Chi tiết tại Phụ lục 3 - Thống kê thiết bị, hạ tầng)

Về thiết bị hội nghị truyền hình: có 02 phòng họp đã được lắp đặt và khai thác phục vụ các cuộc họp trực tuyến với cấp trên, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí.

Chi tiết tại Phụ lục 4 - Thống kê thiết bị Hội nghị truyền hình)

Về thực trạng và nhu cầu sử dụng chữ ký số mật, công vụ: 100% cán bộ công chức được cấp tài khoản quản lý văn bản để phục vụ việc nhận và gửi văn bản trên môi trường số. Thực hiện cấp chữ ký số công vụ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định và sử dụng hiệu quả trong ký các văn bản điện tử. UBND xã có tổng số 58 cán bộ công chức, viên chức, trong đó đã cấp chữ kí số cho 18 cán bộ là lãnh đạo có thẩm quyền ký văn bản, 26 chữ ký số công vụ cho cán bộ, chuyên viên và 07 chữ ký số cơ quan, tổ chức. UBND xã được cấp 01 chữ kí số mật cho cơ quan, tổ chức.

(Chi tiết tại Phụ lục 5 - Thống kê thực trạng và nhu cầu sử dụng chữ ký số Mật, chữ ký số công vụ)

---

[4] 100% cán bộ, công chức được trang bị máy tính, máy in, có 04 máy tính phục vụ công tác soạn thảo văn bản mật tại UBND. Theo thống kê, tại UBND xã có 79 máy tính bàn, 10 máy tính xách tay, 70 máy in, 32 máy scan tài liệu, 07 máy photocopy. Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công đã triển khai lắp đặt 01 camera giám sát, bố trí độc lập 02 máy tính, 02 máy scan và 01 đường truyền internet riêng biệt để phục vụ người dân liên quan đến việc nộp hồ sơ trực tuyến.

Hạ tầng viễn thông băng rộng di động: Tiếp tục được nâng cấp, mở rộng vùng phủ sóng 4G/5G, đảm bảo kết nối ổn định phục vụ nhu cầu thông tin liên lạc của người dân và hoạt động của chính quyền. 100% các thôn trên địa bàn xã được phủ sóng di động đến nhà văn hóa. Các nhà mạng đã triển khai tối ưu hóa mạng lưới, cải thiện chất lượng dịch vụ, giảm thiểu tình trạng mất kết nối. Công tác phối hợp kiểm tra, xử lý các vị trí suy hao tín hiệu được thực hiện thường xuyên, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

Hạ tầng viễn thông băng rộng cố định*:* Mạng cáp quang được nâng cấp và mở rộng đến các thôn, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và trường học sử dụng dịch vụ Internet tốc độ cao. Tỷ lệ hộ dân có Internet cố định tăng, góp phần nâng cao hiệu quả trong học tập, sản xuất kinh doanh, khai thác dịch vụ công trực tuyến.

b) Nhận xét, đánh giá

Ưu điểm: Ủy ban nhân dân xã đã quan tâm rà soát, từng bước nâng cấp hạ tầng số dùng chung phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã. Việc triển khai cơ bản bám sát các hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan cấp trên; từng bước bảo đảm sự kết nối, liên thông trong hệ thống thông tin, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành. Hạ tầng công nghệ thông tin của xã được duy trì, khai thác phục vụ các phần mềm dùng chung, hệ thống quản lý văn bản, dịch vụ công trực tuyến… bước đầu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Hạ tầng mạng nội bộ, kết nối internet tại trụ sở các trụ sở làm việc của UBND xã cơ bản được trang bị, đáp ứng yêu cầu làm việc.

Khó khăn, vướng mắc: Hạ tầng số chưa đồng bộ giữa các bộ phận; tốc độ, chất lượng đường truyền có thời điểm chưa ổn định. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống còn hạn chế, phụ thuộc nhiều vào nền tảng cấp trên. Chưa có điều kiện đầu tư các hệ thống hạ tầng số hiện đại; việc nâng cấp còn mang tính từng bước, nhỏ lẻ. Một số thiết bị, hệ thống sau thời gian sử dụng bị xuống cấp, chưa được nâng cấp kịp thời.

Nguyên nhân: Hạ tầng số là lĩnh vực đòi hỏi nguồn lực lớn, trong khi điều kiện ngân sách của địa phương còn hạn chế. Các nền tảng số được triển khai theo hệ thống dùng chung, phụ thuộc vào kiến trúc, lộ trình của cấp trên.

Giải pháp khắc phục: Tiếp tục rà soát, đánh giá hiện trạng hạ tầng số dùng chung; xây dựng kế hoạch nâng cấp, bổ sung trang thiết bị phù hợp với điều kiện thực tế. Ưu tiên bố trí, lồng ghép nguồn lực để từng bước hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin tại xã. Chủ động phối hợp với các cơ quan cấp trên trong việc triển khai, nâng cấp các nền tảng số dùng chung; đề xuất hỗ trợ về hạ tầng, trang thiết bị. Tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả trang thiết bị hiện có; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin. Nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức trong quản lý, vận hành, sử dụng hạ tầng số.

1.2. Về dữ liệu số, nền tảng số

a) Tình hình kết quả thực hiện

Hạ tầng trung tâm dữ liệu số: UBND xã khai thác hiệu quả hệ thống lưu trữ dữ liệu tập trung do cấp trên triển khai, đảm bảo tính liên thông trong xử lý hồ sơ hành chính và điều hành công việc. Dữ liệu dùng chung của xã được cập nhật thường xuyên, đặc biệt là dữ liệu dân cư, dữ liệu hộ tịch, dữ liệu đất đai và các lĩnh vực quản lý nhà nước. Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống của tỉnh và các cơ quan chuyên môn, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân. Công tác sao lưu, bảo quản dữ liệu được thực hiện theo đúng quy định, bảo đảm an toàn và sẵn sàng khi cần khai thác. Thực hiện nghiêm các quy định về bảo mật, an toàn thông tin trong quản lý dữ liệu và sử dụng thiết bị công nghệ thông tin. Phần mềm diệt Virus, Bkav và các giải pháp bảo mật được triển khai đầy đủ hạn chế nguy cơ rò rỉ hoặc mất mát thông tin. Cán bộ được tuyên truyền, nâng cao ý thức trong việc sử dụng email công vụ, mật khẩu và các quy định về an toàn thông tin.

Các nền tảng ứng dụng: Xã triển khai và sử dụng hiệu quả các nền tảng dùng chung như: hệ thống điều hành tác nghiệp, hệ thống quản lý văn bản và điều hành, cổng dịch vụ công, họp trực tuyến... Khuyến khích người dân sử dụng các ứng dụng số để nộp hồ sơ trực tuyến, tra cứu thông tin, thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt. Cán bộ, công chức được tập huấn, nâng cao kỹ năng sử dụng các nền tảng số trong xử lý công việc. Thường xuyên tuyên truyền về chuyển đổi số đến người dân, doanh nghiệp thông qua các cuộc họp, sinh hoạt chi bộ, đoàn thể. Khuyến khích các mô hình ứng dụng công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, thương mại, dịch vụ. Đề xuất các cơ quan cấp trên hỗ trợ trang thiết bị, hạ tầng mạng và nguồn lực phục vụ chuyển đổi số tại cơ sở.

Thực hiện chỉ đạo của Trung ương, UBND tỉnh về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số và chuyển đổi số toàn diện, UBND xã đã nghiêm túc triển khai việc gửi, nhận, xử lý văn bản điện tử trong toàn hệ thống chính trị, bảo đảm liên thông giữa UBND xã và các cơ quan tham mưu. Các văn bản chỉ đạo, nghị quyết, kết luận của UBND xã được phát hành đến các cơ quan, đơn vị thông qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành, bảo đảm kịp thời, chính xác. Kết quả cụ thể, Từ ngày 01/01/2026 đến nay, UBND của xã đã tiếp nhận 10.138 văn bản đến; phát hành 3.089 văn bản đi, tỷ lệ ký số văn bản đạt 100%.

Kết quả triển khai các ứng dụng số (trí tuệ nhân tạo AI; các phần mềm đặc thù; các phần mềm chuyên ngành, sổ tay đảng viên điện tử, phần mềm gửi nhận tài liệu qua mã QR CODE,…): Bước đầu ứng dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ công tác chuyên môn, nhất là trong soạn thảo văn bản, tổng hợp báo cáo, tra cứu thông tin, góp phần tiết kiệm thời gian, nâng cao chất lượng tham mưu. Khuyến khích cán bộ, công chức đề xuất sáng kiến cải tiến quy trình làm việc, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, ứng dụng AI vào các lĩnh vực quản lý nhà nước; vận động người dân áp dụng phương thức sản xuất mới, nâng cao giá trị sản phẩm. Quá trình khai thác, sử dụng bảo đảm tuân thủ quy định về bảo mật thông tin; không nhập, xử lý dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước hoặc thông tin nhạy cảm trên các nền tảng bên ngoài hệ thống quản lý chính thức.

Kết quả chỉnh lý, số hóa tài liệu lưu trữ: Số tài liệu đã số hóa: 0 (tài liệu). Số mét tài liệu chưa chỉnh lý: 299m. Dự kiến trong năm 2026 sẽ chỉnh lý 100m; số hóa 10m tài liệu, tương ứng 40.000 (trang A4), đạt tỷ lệ 35%.

b) Nhận xét, đánh giá

Ưu điểm: Xã đã thực hiện tiếp nhận, xử lý hồ sơ và tài liệu công việc trên môi trường điện tử, góp phần giảm thời gian xử lý, nâng cao hiệu quả công việc. Chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc ban hành danh mục và cung cấp dữ liệu mở theo quy định, góp phần minh bạch thông tin và thúc đẩy sử dụng dữ liệu số phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Nguyên nhân: Một số cán bộ, công chức chưa quen với việc xử lý hoàn toàn trên môi trường điện tử, dẫn đến tâm lý ngại thay đổi, phụ thuộc vào văn bản giấy.

Giải pháp: Rà soát và lập kế hoạch số hóa tài liệu của xã theo lộ trình cụ thể; phân công rõ trách nhiệm từng bộ phận, cá nhân. Tăng cường tập huấn kỹ năng xử lý văn bản điện tử, sử dụng chữ ký số, cập nhật và chuẩn hóa dữ liệu cho cán bộ, công chức. Tiếp tục đẩy mạnh việc gửi, nhận văn bản điện tử có ký số, giảm tối đa sử dụng văn bản giấy. Thường xuyên phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh trong việc cập nhật, chuẩn hóa danh mục dữ liệu mở theo quy định.

1.3. Về thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến

a) Tình hình kết quả thực hiện

Việc thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) và cung cấp dịch vụ công trực tuyến từ 01/01/2026 – 10/9/2026: Tỷ lệ hồ sơ đã giải quyết trước và đúng hạn là 7.020/7.050 hồ sơ (đạt 99,57%). Số hồ sơ đang giải quyết 120 hồ sơ (trong hạn).

UBND xã đã thực hiện nêm yết công khai danh mục TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính tại Trung tâm phục vụ Hành chính công của xã.

b) Nhận xét, đánh giá

Ưu điểm: Việc triển khai thực hiện công tác giải quyết TTHC đã được UBND xã triển khai một cách thường xuyên, liên tục. Việc triển khai cơ chế *"một cửa*" vào hoạt động của cơ quan đã tạo điều kiện thực hiện tốt công tác tiếp nhận, giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức. Công tác điều hành đi vào nền nếp, đảm bảo tính khoa học, nhịp nhàng, khắc phục được tình trạng chồng chéo, ỷ lại giữa các bộ phận chuyên môn. Các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng cán bộ chuyên môn được giải quyết kịp thời, thể hiện giao tiếp văn minh nơi công sở, nhiệt tình và trách nhiệm, thời gian giải quyết công khai, minh bạch. Đội ngũ cán bộ, công chức xã nói chung và nhất là đội ngũ cán bộ trực tiếp tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC nói riêng đã có sự chuyển biến rõ rệt, xác định rõ yêu cầu, tinh thần, ý thức trách nhiệm được giao, không có biểu hiện phiền hà, sách nhiễu nhân dân hoặc thờ ơ, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm.

Khó khăn, vướng mắc: Việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến còn gặp khó khăn do đa phần người dân chưa thể tự thao tác nộp hồ sơ trực tuyến. Hệ thống giải quyết TTHC còn nhiều lúc bị lỗi kỹ thuật.

Nguyên nhân: Việc ứng dụng, tiếp cận công nghệ thông tin của người dân còn hạn chế nên việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến gặp nhiều khó khăn. Hệ thống giải quyết TTHC của các Bộ triển khai từ ngày 01/01/2026 còn nhiều bất cập, cấu hình các thủ tục chưa đầy đủ. Hiện nay các TTHC vẫn giải quyết trên phần mềm Một cửa dùng chung của tỉnh và hệ thống giải quyết TTHC theo từng Bộ gây khó khăn trong việc tổng hợp báo cáo thống kê hồ sơ giải quyết chung của cơ quan, đơn vị. Mô hình hệ thống của các Bộ ngành tập trung giải quyết TTHC theo ngành dọc, nên chưa có sự đồng bộ, điều phối giữa các hệ thống khác nhau nên khó khăn trong công tác kiểm soát, tổng hợp, theo dõi tiến độ, kết quả giải quyết TTHC; cán bộ tiếp nhận hồ sơ và lãnh đạo Trung tâm PVHCC, lãnh đạo phòng chuyên môn và UBND xã phải quản lý, theo dõi trên nhiều tài khoản; khi xử lý công việc cán bộ phải chuyển đổi giữa hệ thống điều phối, hệ thống giải quyết TTHC của Bộ và các hệ thống liên quan khác dẫn đến nguy cơ xảy ra sai sót, nhầm lẫn hoặc chậm trễ trong tiếp nhận, giải quyết. Hệ thống giải quyết TTHC của các Bộ được xây dựng từ nền tảng từ nhiều đơn vị cung cấp dịch vụ (VNPT, Mobifone, FPT) dẫn đến giao diện, tính năng sử dụng khác nhau, gây khó khăn cho việc sử dụng.

Giải pháp khắc phục: Tổ chức các khóa học ngắn hạn, tập trung vào quản lý hành chính, giải quyết tranh chấp và sử dụng Cổng Dịch vụ công Quốc gia; tích hợp các buổi tập huấn về đạo đức công vụ, nhấn mạnh vai trò "*vì nhân dân phục vụ*", với các tình huống thực tế từ địa phương. Trang bị phần mềm quản lý hành chính điện tử hướng dẫn sử dụng tại chỗ cho cán bộ, công chức để tăng hiệu quả công việc và minh bạch hóa quy trình.

2. Về kinh tế số

2.1. Kết quả thực hiện

Trong 9 tháng đầu năm 2026, một số hộ sản xuất, kinh doanh và doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn đã bước đầu ứng dụng công nghệ số nâng cao hiệu quả sản xuất và mở rộng kênh bán hàng, sử dụng điện thoại và mạng xã hội để giao dịch thương mại nông sản góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và mở rộng thị trường tiêu thụ. UBND xã, các cơ quan chuyên môn, các lực lượng chức năng tập trung hướng dẫn các hộ kinh doanh bán lẻ sử dụng các ứng dụng, nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt như: ứng dụng Viettel Pay, VNPT Money, các dịch vụ thiết yếu và dịch vụ công trực tuyến.

Việc triển khai các nền tảng dữ liệu và nền tảng số phục vụ người dân, doanh nghiệp được quan tâm thực hiện, góp phần nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công và thúc đẩy chuyển đổi số. Các nền tảng dùng chung của Trung ương và địa phương được khai thác, sử dụng như: cổng Dịch vụ công trực tuyến, hệ thống một cửa điện tử, nền tảng thanh toán trực tuyến, hệ thống quản lý văn bản và điều hành, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ giải quyết thủ tục hành

chính. Trang thông tin điện tử của xã: https://vinhtuong.phutho.gov.vn/. Ngoài ra xã có sử dụng hệ thống truyền thanh cơ sở (loa phát thanh) để thường xuyên thông báo, hướng dẫn người dân về dịch vụ công trực tuyến với tần suất 2 lần trên tuần đồng thời tuyên truyền trên các trang mạng xã hội. Các thủ tục hành chính lĩnh vực đăng ký kinh doanh 100% toàn trình (gồm 7 thủ tục hành chính).

2.2. Nhận xét, đánh giá

Ưu điểm: Ủy ban nhân dân xã đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo lồng ghép nội dung phát triển kinh tế số vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã. Từng bước tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân, hộ kinh doanh về ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm. Một số hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất đã bước đầu tiếp cận các nền tảng số như bán hàng qua mạng xã hội, sàn thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt.

Khó khăn, vướng mắc: Nhận thức, kỹ năng số của một bộ phận người dân, doanh nghiệp còn hạn chế. Hạ tầng phục vụ kinh tế số chưa đồng bộ; việc tiếp cận, sử dụng các nền tảng số còn gặp khó khăn. Nguồn lực hỗ trợ phát triển kinh tế số ở cấp xã còn hạn chế, phụ thuộc vào chương trình, chính sách của cấp trên. Quy mô kinh tế số trên địa bàn còn nhỏ, phát triển chưa đồng đều; chưa hình thành các mô hình kinh tế số rõ nét. Tỷ lệ người dân, hộ kinh doanh tham gia thương mại điện tử, thanh toán số còn thấp. Công tác hỗ trợ, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số còn hạn chế, chưa thường xuyên.

Nguyên nhân: Kinh tế số là lĩnh vực mới, yêu cầu cao về hạ tầng, công nghệ và nguồn nhân lực, trong khi điều kiện địa phương còn hạn chế. Cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế số chủ yếu do cấp trên ban hành; cấp xã ít có điều kiện chủ động.

Giải pháp khắc phục: Tăng cường sự lãnh đạo của UBND xã đối với phát triển kinh tế số; xác định đây là một trong những nội dung quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng kế hoạch cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; lựa chọn một số nội dung, lĩnh vực để triển khai có trọng tâm, trọng điểm. Đẩy mạnh tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn người dân, hộ kinh doanh sử dụng các nền tảng số, thanh toán không dùng tiền mặt, tham gia thương mại điện tử. Phối hợp với các cơ quan cấp trên, doanh nghiệp viễn thông, công nghệ trong hỗ trợ triển khai các mô hình kinh tế số. Xây dựng và nhân rộng các mô hình hiệu quả; khuyến khích ứng dụng công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp, kinh doanh dịch vụ. Lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, dự án để hỗ trợ phát triển kinh tế số.

3. Về xã hội số

3.1. Tình hình kết quả thực hiện

UBND xã ban hành Kế hoạch 1241/KH-UBND ngày 16/10/2025 triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số" trên địa bàn xã. UBND xã đã phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở GD&ĐT, các cơ quan, đơn vị, Tổ công nghệ số cộng đồng, tổ phản ứng nhanh, các thôn dân cư, Đoàn thanh niên xã tổ chức tập huấn

cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, người lao động thuộc Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ xã trên địa bàn bằng hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến trên nền tảng "*Bình dân học vụ số*". Nội dung tập huấn tập trung vào việc tích hợp, ứng dụng AI vào các lĩnh vực quản lý Nhà nước, nâng cao kỹ năng số cơ bản cho cán bộ. Đảm bảo 100% cán bộ, công chức, người lao động tại xã nắm vững quy trình thao tác đăng ký, đăng nhập tài khoản trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, thành thạo việc nộp các hồ sơ thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công Quốc gia. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức khóa học "Hướng dẫn sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC" cho 100% cán bộ, công chức, viên chức liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Bên cạnh đó, Tổ công nghệ số cộng đồng phối hợp với Công an xã, đoàn thanh niên tổ chức buổi tập huấn trực tiếp tại các nhà văn hoá thôn để "*cầm tay chỉ việc*", hướng dẫn người dân đăng kí, đăng nhập, thực hành nộp một số thủ tục hành chính người dân thường xuyên sử dụng trên ứng dụng VneID: Kích hoạt tài khoản an sinh xã hội, sổ sức khoẻ điện tử.

Đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ cập kiến thức và nâng cao kỹ năng số cho người dân bằng nhiều hình thức phù hợp như: đăng tải các bài viết, tin trên trang Thông tin điện tử xã, phát thanh trên hệ thống loa truyền thanh, fanpage, facebook, youtube... góp phần nâng cao năng lực sử dụng dịch vụ số, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, bền vững. Chủ động phối hợp với cơ quan cấp trên xây dựng và triển khai thống nhất theo chỉ đạo, hình thành môi trường thúc đẩy kinh tế số và xã hội số ở cộng đồng dân cư.

3.2. Nhận xét, đánh giá

Khó khăn, vướng mắc: Nhận thức và kỹ năng số của một bộ phận người dân còn hạn chế, nhất là người cao tuổi, lao động nông thôn; còn tâm lý e ngại khi sử dụng các dịch vụ số. Việc tiếp cận, sử dụng các ứng dụng số (VNeID, dịch vụ công, y tế, giáo dục…) còn gặp khó khăn, nhất là trong khâu cài đặt, sử dụng ban đầu. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân tham gia xã hội số có thời điểm chưa thường xuyên, hình thức chưa đa dạng. Lực lượng hỗ trợ chuyển đổi số tại cơ sở còn mỏng, chủ yếu kiêm nhiệm. Hạ tầng hỗ trợ (thiết bị cá nhân, kết nối internet của người dân) còn chưa đồng đều, ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận dịch vụ số.

Nguyên nhân: Xã hội số là lĩnh vực mới, quá trình chuyển đổi từ thói quen truyền thống sang môi trường số cần thời gian. Điều kiện kinh tế của một bộ phận người dân còn khó khăn, hạn chế khả năng tiếp cận thiết bị thông minh và dịch vụ internet. Các nền tảng số, ứng dụng còn có thay đổi, cập nhật, gây khó khăn cho người dân trong quá trình sử dụng. Đội ngũ cán bộ, lực lượng hỗ trợ tại thôn còn hạn chế về kỹ năng, kinh nghiệm hướng dẫn người dân.

Giải pháp khắc phục: Xác định phát triển xã hội số là nhiệm vụ trọng tâm gắn với nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức phù hợp (*trực quan, tuyên truyền miệng qua tổ liên*

gia, sinh hoạt đoàn thể...), giúp người dân dễ hiểu, dễ tiếp cận. Phát huy vai trò của tổ công nghệ số cộng đồng, các hội, đoàn thể trong việc "*cầm tay chỉ việc*", hỗ trợ người dân tiếp cận công nghệ số. Lựa chọn một số nội dung, dịch vụ thiết yếu để tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn trực tiếp cho người dân về sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, các ứng dụng thiết yếu trên ứng dụng VNeID… tạo thói quen sử dụng cho người dân. Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông, ngân hàng trong hỗ trợ người dân tiếp cận thiết bị, dịch vụ số. Từng bước nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức và lực lượng tham gia hỗ trợ địa bàn thôn.

IV. VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

1. Tình hình, kết quả thực hiện

Trong thời gian qua, UBND xã đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, triển khai nhiều giải pháp nhằm khuyến khích doanh nghiệp trên địa bàn đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Các cơ quan, phòng ban, đơn vị đã phối hợp tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các cơ chế, chính sách ưu đãi của Nhà nước về khoa học - công nghệ. Duy trì, đẩy mạnh triển khai kinh tế số, phát triển thanh toán điện tử cho hộ gia đình kinh doanh buôn bán nhỏ lẻ, nâng cao đời sống vật chất cho người dân, thay đổi tư duy, phương thức, quy trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa theo cách làm truyền thống, giúp cho hộ gia đình ứng dụng công nghệ số trong tiêu thụ sản phẩm nông sản, chuyển đổi việc mua bán trên nền tảng công nghệ số. Tiếp tục tuyên truyền ứng dụng công nghệ số trong hoạt động quản lý, điều hành, chuyển đổi phương thức hoạt động trong các thành phần của nền kinh tế. Khuyến khích các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn đầu tư cho chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và quản trị doanh nghiệp. Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt tại các khu Chợ trung tâm và một số dịch vụ hành chính.

Chỉ đạo UBND xã quyết liệt xây dựng và phát triển chính quyền số nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp. Chỉ đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công hướng dẫn, thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả TTHC; rà soát, công khai, kiểm soát thủ tục hành chính; tiếp nhận hồ sơ từ tổ chức, cá nhân và chuyển đến cơ quan giải quyết theo đúng quy định; theo dõi, giám sát tiến độ xử lý hồ sơ, đôn đốc cơ quan giải quyết; tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị đến các TTHC; hỗ trợ người dân và doanh nghiệp trong quá trình giải quyết TTHC. Các tổ chức, cá nhân đến Trung tâm Hành chính công đều được hướng dẫn chi tiết, đúng quy định.

2. Nhận xét, đánh giá

Khó khăn, vướng mắc: Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn còn hạn chế, chủ yếu dừng ở mức ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống; chưa có nhiều mô hình đổi mới sáng tạo rõ nét. Việc triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ còn phụ thuộc vào chương trình, đề tài

của cấp trên; cấp xã chưa chủ động xây dựng được các nhiệm vụ phù hợp. Nhận thức của một bộ phận cán bộ và người dân về vai trò của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo chưa đầy đủ; việc áp dụng vào thực tiễn còn chậm. Thiếu cơ chế, chính sách cụ thể ở cấp cơ sở để khuyến khích đổi mới sáng tạo, nhất là trong sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ. Nguồn lực đầu tư cho khoa học công nghệ còn hạn chế; chưa có điều kiện hỗ trợ, nhân rộng các mô hình hiệu quả. Chưa hình thành được mạng lưới liên kết giữa chính quyền - doanh nghiệp - người dân trong ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ.

Nguyên nhân: Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo là lĩnh vực mới, đòi hỏi nguồn lực lớn và trình độ chuyên môn cao, trong khi điều kiện của địa phương còn hạn chế. Đặc thù kinh tế địa phương chủ yếu là nông nghiệp, doanh nghiệp quy mô nhỏ lẻ, nên việc ứng dụng công nghệ cao còn gặp khó khăn. Công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật chưa thường xuyên.

Giải pháp khắc phục: Tiếp tục đưa nội dung phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vai trò của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo. Chủ động phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp trên trong việc tiếp nhận, chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật phù hợp với điều kiện địa phương. Lựa chọn một số lĩnh vực, mô hình phù hợp *(nông nghiệp ứng dụng công nghệ, sản xuất sạch, chuyển đổi số trong kinh doanh…)* để triển khai điểm và nhân rộng. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong hỗ trợ, hướng dẫn người dân áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đời sống. Lồng ghép các nguồn lực từ các chương trình, dự án để hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo tại cơ sở. Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ trong công tác tham mưu, triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ.

V. VỀ NGUỒN NHÂN LỰC VÀ HỢP TÁC VỀ KHCN, ĐMST, CĐS

1. Tình hình, kết quả thực hiện

Ủy ban nhân dân xã quan tâm thực hiện việc bố trí, sắp xếp nhân sự đảm bảo cán bộ, công chức đủ năng lực, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tổng số cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng UBND xã Vĩnh Tường là 63 người, trong đó 100% trình độ đại học; 100% cán bộ, công chức sử dụng thành thạo máy tính, phần mềm quản lý văn bản, thao tác trên môi trường mạng.

Xã đã bố trí 01 công chức, 01 viên chức trưng tập có trình độ chuyên môn CNTT, khoa học công nghệ phụ trách công tác chuyển đổi số, an toàn thông tin, an ninh mạng, đảm bảo đúng năng lực thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao.

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng sử dụng phần mềm quản lý dùng chung của tỉnh, dịch vụ công trực tuyến, trợ lý AI trong công việc, sử dụng chữ ký số, phần mềm quản lý văn bản cho 100% cán bộ, công chức của xã.

Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 xã Vĩnh Tường gồm 13 thành viên; Tổ công tác triển khai Đề án 06; cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 xã Vĩnh Tường gồm 54 thành viên; Tổ Công tác về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và cải cách thủ tục hành chính gồm 25 thành viên; 37 Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn xã Vĩnh Tường gồm 259 thành viên.

Tại các phòng, ban, ngành, đơn vị đều phân công cán bộ thực hiện các nội dung công tác liên quan đến triển khai thực hiện Đề án 06.

2. Nhận xét, đánh giá

Ưu điểm: Xã luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; bố trí, phân công cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn phụ trách công tác chuyển đổi đó của xã. Đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được bồi dưỡng, tập huấn về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong quản lý, điều hành. Công tác phối hợp với các cơ quan cấp trên, doanh nghiệp viễn thông, công nghệ trong triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ bước đầu được thực hiện. Một số hoạt động phối hợp tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn người dân, tổ chức tiếp cận công nghệ số, dịch vụ số đã được triển khai hiệu quả.

Khó khăn, vướng mắc: Nguồn nhân lực có trình độ chuyên sâu về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tại cấp xã còn thiếu, chủ yếu là kiêm nhiệm. Công tác đào tạo, bồi dưỡng còn mang tính ngắn hạn, chưa thường xuyên, thiếu chiều sâu. Hoạt động hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực khoa học công nghệ, chuyển đổi số chưa có nhiều chương trình phối hợp cụ thể, lâu dài. Chưa hình thành được mạng lưới hỗ trợ chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo hiệu quả tại cơ sở.

Nguyên nhân: Cấp xã không có điều kiện thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học công nghệ, chuyển đổi số. Nguồn lực đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng và hợp tác còn hạn chế, phụ thuộc vào chương trình của cấp trên. Các hoạt động hợp tác chủ yếu do cấp trên chủ trì, cấp xã tham gia ở mức độ triển khai.

Giải pháp khắc phục: Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cụ thể; chú trọng nâng cao kỹ năng số, năng lực ứng dụng công nghệ cho đội ngũ cán bộ, công chức. Phát huy hiệu quả lực lượng tại cơ sở như tổ công nghệ số cộng đồng, đoàn thanh niên trong hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận công nghệ. Chủ động phối hợp với các cơ quan cấp trên, doanh nghiệp viễn thông, công nghệ để tổ chức tập huấn, chuyển giao kỹ năng, hỗ trợ triển khai các nền tảng số. Tăng cường kết nối, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp trong triển khai các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số phù hợp với địa phương.

VI. VỀ AN TOÀN, AN NINH THÔNG TIN

1. Tình hình kết quả thực hiện

UBND xã Vĩnh Tường thường xuyên tổ chức quán triệt, yêu cầu cán bộ thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật về bảo đảm an toàn thông tin theo các cấp độ như: Luật an toàn thông tin mạng 2015; Luật an ninh mạng 2018, Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về đảm bảo hệ thống thông tin theo cấp độ; Thông tư số 86/2021/TT-BCA ngày 01/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về bảo đảm an toàn thông tin số trong Công an nhân dân; Thông tư số 12/2023/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin;…và các quy định của Bộ Công an nhằm nâng cao nhận thức về công tác đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống thông tin trong đơn vị. Công tác đảm bảo an ninh, an toàn các hệ thống được đảm bảo, thực hiện nghiêm túc.

UBND xã thực hiện nghiêm các quy định về bảo mật, an toàn thông tin trong quản lý dữ liệu và sử dụng thiết bị công nghệ thông tin. Phần mềm diệt Virus, Bkav và các giải pháp bảo mật được triển khai đầy đủ, hạn chế nguy cơ rò rỉ hoặc mất mát thông tin. Hệ thống mạng nội bộ Ủy ban nhân dân xã đã được phê duyệt cấp độ 2[5]. Cán bộ, công chức đều nâng cao ý thức trong việc sử dụng email công vụ, mật khẩu và các quy định về an toàn thông tin. Thường xuyên rà soát, quản lý các tài khoản truy cập hệ thống thông tin; thực hiện phân quyền theo vị trí, chức năng, nhiệm vụ; tăng cường bảo vệ tài khoản, mật khẩu và thông tin xác thực. Các máy tính, thiết bị công nghệ thông tin được kiểm tra, cập nhật và xử lý kịp thời khi phát sinh nguy cơ mất an toàn.

Đối với bảo vệ dữ liệu cá nhân, UBND xã thực hiện quản lý, khai thác và sử dụng thông tin của người dân, tổ chức đúng mục đích, đúng thẩm quyền; hạn chế việc sao chép, cung cấp, chia sẻ dữ liệu cá nhân khi chưa được phép. Cán bộ, công chức được quán triệt không tự ý đưa thông tin cá nhân, hồ sơ, tài liệu công vụ lên các nền tảng, ứng dụng không được cơ quan cho phép.

UBND xã cũng tăng cường tuyên truyền[6], nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức về các nguy cơ mất an toàn thông tin, lừa đảo trực tuyến, đánh cắp tài khoản và rò rỉ dữ liệu cá nhân; chủ động phát hiện, báo cáo và phối hợp xử lý khi có dấu hiệu vi phạm hoặc sự cố.

2. Nhận xét, đánh giá

Ưu điểm: Công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trên địa bàn xã được quan tâm triển khai, phục vụ kịp thời công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung được duy trì hoạt động ổn định; việc trao đổi, xử lý văn bản điện tử, sử dụng dịch vụ công trực tuyến từng bước đi vào nền nếp. Nhận thức của cán bộ, công chức về bảo đảm an toàn thông tin được nâng

[5] Quyết định số 1926/QĐ-CAT-ANM ngày 25/03/2026 của Công an tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin.

[6] Công văn số 2303/UBND-BHXH ngày 24/7/2026 của UBND xã Vĩnh Tường về việc tiếp tục tăng cường tuyên truyền cảnh giác thủ đoạn lừa đảo trong lĩnh vực BHXH, BHYT;
Công văn số 1553/UBND-VHXH ngày 12/11/2025 của UBND xã Vĩnh Tường về việc tăng cường tuyên truyền cảnh giác thủ đoạn lừa đảo trong lĩnh vực BHXH, BHYT

lên; cơ bản chấp hành các quy định về sử dụng thư điện tử công vụ, bảo mật thông tin.

Khó khăn, vướng mắc: Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ, một số trang thiết bị đã xuống cấp; chưa có hệ thống bảo mật chuyên sâu. Việc sao lưu dữ liệu, kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin chưa được thực hiện thường xuyên. Trình độ, kỹ năng công nghệ thông tin của một bộ phận cán bộ còn hạn chế; tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn thông tin, lộ lọt dữ liệu.

Nguyên nhân: Nguồn lực đầu tư cho công nghệ thông tin còn hạn chế; chưa bố trí được kinh phí riêng cho bảo đảm an toàn thông tin. Công tác đào tạo, tập huấn chưa thường xuyên. Một số cán bộ chưa thực sự chủ động trong việc cập nhật kiến thức, kỹ năng về an toàn thông tin; việc kiểm tra, giám sát có lúc chưa chặt chẽ.

Giải pháp: Tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin. Từng bước đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị và các giải pháp bảo mật phù hợp. Tăng cường đào tạo, tập huấn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, kỹ năng bảo mật. Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý, sử dụng hệ thống thông tin; duy trì sao lưu dữ liệu định kỳ, kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin thường xuyên. Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số gắn với bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

VII. VỀ BỐ TRÍ KINH PHÍ CHO KHCN, ĐMST, CĐS

1. Tình hình, kết quả thực hiện

UBND xã giao các phòng, ban, đơn vị thống kê nhu cầu mua sắm trang thiết bị phục vụ công việc và công tác chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị để đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc bố trí và sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước dành cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm tiết kiệm, đúng mục đích, đúng quy định. UBND xã đăng ký cấp có thẩm quyền bổ sung nguồn vốn đầu tư mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ cho công tác chuyển đổi số. Kinh phí cho hoạt động khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo được lồng ghép hiệu quả trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; hỗ trợ mô hình ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp và dịch vụ, môi trường. Việc quản lý, thanh quyết toán các khoản chi được thực hiện công khai, minh bạch, không để xảy ra sai sót, lãng phí.

Tổng kinh phí đã được phân bổ năm 2026 cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là 0,692 tỷ đồng. Ưu tiên cho các nội dung như: tuyên truyền; ứng dụng số hóa trong quản lý điều hành công vụ và cung cấp dịch vụ công mức độ 4; xây dựng mới các hệ thống loa thông minh; ứng dụng AI trong hành chính công, giáo dục, y tế, nông nghiệp thông minh; chuyển giao tiến bộ KHCN; tập huấn chuyển đổi số, an toàn thông tin; duy trì Trang thông tin điện tử xã. Nguồn đã sử dụng trong 7 tháng đầu năm 2026 là 177,83 triệu đồng

(Chi tiết theo phụ lục 6 - Báo cáo kinh phí chi cho hoạt động phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số)

2. Nhận xét, đánh giá

Ưu điểm: Trong điều kiện còn khó khăn, hạn chế về nguồn lực, xã đã chủ động bố trí nguồn kinh phí chi cho KHCN, ĐMST và CĐS cơ bản đáp ứng được nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay. Nguồn kinh phí được sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, đảm bảo nguyên tắc tài chính. Bên cạnh đó, xã chủ động rà soát nhu cầu, xây dựng danh mục nhiệm vụ, dự án và đăng ký nhu cầu vốn theo hướng dẫn của cấp trên; việc đề xuất cơ bản bám sát nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đảm bảo theo quy định về trình tự, thủ tục.

Khó khăn, vướng mắc: Việc bố trí kinh phí cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ở xã hiện còn gặp nhiều khó khăn do nguồn lực ngân sách hạn chế, phụ thuộc chủ yếu vào cấp trên, trong khi nhu cầu chi cho các lĩnh vực thiết yếu khác còn lớn. Việc huy động nguồn lực xã hội hóa đầu tư cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn khó khăn.

Nguyên nhân: Nguồn lực ngân sách còn hạn chế, trong khi nhu cầu chi cho các nhiệm vụ ngày càng tăng. Quy trình thẩm định, phê duyệt, phân bổ kinh phí qua nhiều cấp, nhiều khâu nên mất thời gian. Hệ thống văn bản hướng dẫn có nội dungcòn chưa đồng bộ, thay đổi theo từng giai đoạn.

Giải pháp khắc phục: Nâng cao chất lượng công tác dự báo, rà soát, xác định nhu cầu vốn bảo đảm sát thực tế, có trọng tâm, trọng điểm. Chủ động xây dựng kế hoạch, chuẩn bị hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, hạn chế việc phải bổ sung, chỉnh sửa nhiều lần. Tăng cường phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn trong quá trình lập, tổng hợp, quản lý và sử dụng kinh phí. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức trong công tác tham mưu, quản lý tài chính, ngân sách. Thực hiện quản lý, sử dụng kinh phí chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích. Chủ động phối hợp với các cơ quan cấp trên để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thẩm định, phân bổ và quyết toán kinh phí.

C. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

UBND xã đã tổ chức quán triệt sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân; đồng thời chủ động ban hành các chương trình hành động, kế hoạch sát với thực tiễn địa phương, đảm bảo rõ mục tiêu, nhiệm vụ, lộ trình thực hiện. Phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của UBND xã từng bước được đổi mới theo hướng hiện đại, khoa học, gắn với ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Việc xử lý văn bản, hồ sơ tài liệu hàng ngày nhanh hơn, chính xác hơn, minh bạch hơn thông qua các phần mềm quản lý, nền tảng số dùng chung góp phần nâng cao hiệu suốt làm việc, giảm thời gian xử lý và hạn chế sai xót trong quá trình lưu trữ, tra cứu thông tin. Đồng thời tăng cường sự kết nối, phối hợp giữa các bộ phận trong cơ quan, giữa Đảng ủy với UBND, Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội.

Việc triển khai các nhóm nhiệm vụ được thực hiện đồng bộ, gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã; từng bước ứng dụng khoa học công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền và chất lượng phục vụ nhân dân. Bên cạnh đó, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được phát huy trong công tác tuyên truyền, vận động, hỗ trợ người dân tiếp cận các nền tảng số; công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế.

Nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền, cơ quan, đơn vị từng bước được nâng lên, thể hiện rõ vai trò nêu gương, tinh thần chủ động, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện; đội ngũ cán bộ, công chức đã có sự chuyển biến tích cực về tư duy, từng bước thích ứng với môi trường làm việc số, nâng cao ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ.

Năm 2026, UBND xã xác định là năm tăng tốc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, Trong đó tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện đồng bộ, quyết liệt các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra *(gồm 20 chỉ tiêu, 59 nhiệm vụ),* bảo đảm khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đóng góp thiết thực, đo lường được vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế đạt hai con số, trước hết thông qua nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản lý, chất lượng cung cấp dịch vụ công và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Đồng thời, quan tâm bố trí, lồng ghép nguồn lực từ ngân sách và các chương trình, dự án để triển khai các nhiệm vụ, bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW vẫn còn một số hạn chế, khó khăn như: Nhận thức về chuyển đổi số của một bộ phận cán bộ, người dân chưa đồng đều; một bộ phận cán bộ, công chức còn tâm lý ngại đổi mới, kỹ năng số còn hạn chế; việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, đời sống còn chưa sâu rộng; hạ tầng số còn thiếu và chưa đồng bộ.

D. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với ban, bộ, ngành Trung ương

Quan tâm hoàn thiện đồng bộ thể chế, cơ chế, chính sách về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nhất là các quy định liên quan trực tiếp đến cấp cơ sở. Trong đó, cần sớm ban hành hoặc hướng dẫn cụ thể hơn về tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức đầu tư, tiêu chí trang thiết bị, cơ chế quản lý tài chính, chế độ chi cho các nhiệm vụ chuyển đổi số ở cấp xã; bảo đảm để các địa phương có căn cứ pháp lý đầy đủ trong việc lập dự toán, bố trí, quản lý và thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ. Đối với những nội dung đang triển khai theo hướng phân cấp, phân quyền gắn với dữ liệu số và nền tảng số, đề nghị tiếp tục chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ, biểu mẫu điện tử và các yêu cầu kỹ thuật dùng chung để địa phương thực hiện thống nhất, tránh tình trạng mỗi lĩnh vực áp dụng một cách khác nhau, gây khó khăn trong tổ chức thực hiện ở cơ sở.

Chỉ đạo rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính gắn với khai thác dữ liệu số, tái sử dụng dữ liệu và giảm yêu cầu cung cấp lại thông tin của người dân, doanh nghiệp; đặc biệt đối với các nhóm thủ tục có tần suất phát sinh lớn tại cấp xã như hộ tịch, chứng thực, đất đai, an sinh xã hội, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, việc làm, an toàn thực phẩm. Cùng với đó, đề nghị sớm hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu để bảo đảm việc kết nối, khai thác, đồng bộ dữ liệu từ Trung ương đến cấp xã được thực hiện thông suốt, ổn định và thực chất hơn.

Tiếp tục xây dựng, cập nhật các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở về công nghệ số, quản trị dữ liệu, an toàn thông tin, an ninh mạng, kỹ năng khai thác nền tảng số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công vụ; đồng thời nghiên cứu xây dựng các bộ tài liệu chuẩn, kho học liệu dùng chung, thư viện mô hình mẫu, quy trình mẫu và công cụ hỗ trợ triển khai để các địa phương có thể áp dụng ngay, tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực trong quá trình tổ chức thực hiện. Bên cạnh đó, cần có cơ chế khuyến khích, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số làm việc tại cơ sở, nhất là ở cấp xã, nơi đang trực tiếp thực hiện nhiều nhiệm vụ phục vụ người dân nhưng điều kiện về nhân lực, trang thiết bị và cơ chế hỗ trợ còn hạn chế.

2. Đối với UBND tỉnh

Đề nghị UBND tỉnh, các sở, ngành của tỉnh tiếp tục quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể và hỗ trợ xã trong quá trình triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hằng năm. Trước hết, đề nghị tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp các phần mềm, hệ thống dùng chung của tỉnh theo hướng liên thông, ổn định, dễ sử dụng, phù hợp với thực tiễn vận hành ở cấp xã; đồng thời bảo đảm việc hỗ trợ kỹ thuật được kịp thời, nhất là trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, khai thác dữ liệu dùng chung và xử lý sự cố phát sinh.

Bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cho xã, nhằm đảm bảo nguồn lực triển khai các nhiệm vụ ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số sát với thực tiễn địa phương. Quan tâm chỉ đạo, có giải pháp để xã đầu tư, nâng cấp đồng bộ hạ tầng công nghệ thông tin, mua sắm trang thiết bị hiện đại, thay thế các máy móc đã cũ, cấu hình thấp cho cán bộ công chức, viên chức. Hỗ trợ thiết bị công nghệ thông tin cho các thôn dân cư, bao gồm việc lắp đặt mạng wifi, máy tính và thiết bị trình chiếu tại các nhà văn hóa thôn phục vụ tốt cho công tác hội nghị tuyên truyền, hỗ trợ công tác điều hành và phục vụ người dân trong các hoạt động liên quan đến chuyển đổi số.

Sớm công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai theo quy định của Chính phủ. Cấp trên cấu hình 1 hệ thống chung để kiểm soát, thống kê tổng hợp hồ sơ tiếp nhận, giải quyết TTHC.

Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng, công chức thường trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và các đầu mối phụ trách chuyên môn.

E. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Các nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo

(1) Tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ trọng tâm đã xác định trong Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; bảo đảm các chỉ tiêu, mục tiêu, nhóm nhiệm vụ chủ yếu cần được cụ thể hóa thành tiến độ thực hiện, sản phẩm đầu ra và kết quả đánh giá theo từng tháng, từng quý, từng lĩnh vực công tác.

(2) Tập trung chỉ đạo mạnh mẽ nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số. Trong đó, tập trung kiến nghị đơn giản hóa, rút gọn, chuẩn hóa và điện tử hóa quy trình giải quyết, giảm thời gian, giảm giấy tờ, giảm việc đi lại cho người dân và doanh nghiệp.

(3) Chỉ đạo nâng cao chất lượng thực hiện chính quyền số tại địa phương, trong đó trọng tâm là duy trì xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử, đẩy mạnh tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trực tuyến, nâng cao tỷ lệ số hóa hồ sơ, cấp kết quả điện tử, khai thác và tái sử dụng dữ liệu đã số hóa; đồng thời tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện tại các bộ phận chuyên môn, Trung tâm Phục vụ hành chính công và các đầu mối có liên quan. Cùng với đó, tập trung khai thác hiệu quả dữ liệu dân cư, dữ liệu hộ tịch, dữ liệu thủ tục hành chính và các nền tảng số dùng chung phục vụ chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

(4) Tiếp tục tập trung củng cố và phát huy vai trò của các Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn xã; trong việc hỗ trợ người dân sử dụng nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và các tiện ích số thiết yếu khác. Song song với đó, tiếp tục triển khai phong trào "Bình dân học vụ số" theo hướng thực chất, lấy kết quả hỗ trợ người dân và mức độ tiếp cận thực tế của các nhóm đối tượng làm thước đo chính.

(5) Tăng cường chỉ đạo công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; thực hiện thường xuyên rà soát, vá lỗ hổng bảo mật, sao lưu dữ liệu, quản lý chặt tài khoản, thiết bị, hệ thống và dữ liệu trong quá trình khai thác, sử dụng; nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức trong bảo vệ dữ liệu, bảo vệ bí mật nhà nước và chấp hành quy định về an ninh mạng trong môi trường số.

2. Giải pháp nâng cao chất lượng tổ chức thực hiện Nghị quyết

(1) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của BCĐ, UBND xã; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ về KHCN, ĐMST, CĐS; coi kết quả thực hiện là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân trong năm 2026. Rà soát, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết thành chương trình, kế hoạch hằng năm, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Việc chỉ đạo phải đi vào chiều sâu, bám sát tiến độ, có sơ kết, kiểm điểm theo quý, không để tình trạng ban hành kế hoạch nhưng chậm triển khai hoặc triển khai hình thức, không lượng hóa được kết quả.

(2) Tiếp tục đổi mới phương thức tổ chức thực hiện theo hướng rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ sản phẩm, rõ kết quả, rõ trách nhiệm. Mỗi nhiệm vụ trọng

tâm phải có đầu mối chủ trì, đầu mối phối hợp, thời hạn hoàn thành, tiêu chí đánh giá và chế độ báo cáo cụ thể; các nội dung đã giao trong kế hoạch phải được cập nhật tiến độ thường xuyên, có theo dõi thực hiện và có biện pháp xử lý kịp thời đối với các nhiệm vụ chậm tiến độ hoặc khó thực hiện.

(3) Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, theo dõi, giám sát nội bộ trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ KHCN, ĐMST và CĐS. Từng bước chuẩn hóa biểu theo dõi, biểu thống kê theo quý, theo nhóm nhiệm vụ để việc tổng hợp, đánh giá, báo cáo được đầy đủ, chính xác, hạn chế tình trạng thiếu số liệu chi tiết khi xây dựng báo cáo định kỳ.

(4) Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực thực thi nhiệm vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là nhóm trực tiếp tham mưu, tổng hợp, xử lý TTHC, quản trị dữ liệu, vận hành nền tảng số và bảo đảm an toàn thông tin. Nội dung tập huấn cần thiết thực, gắn trực tiếp với nhiệm vụ công vụ hằng ngày, có thực hành, có hướng dẫn trực tiếp, có đánh giá kết quả sau tập huấn; đồng thời mở rộng dần đối tượng tham gia, không chỉ tập trung ở một vài đầu mối chuyên trách.

(5) Tăng cường công tác phối hợp giữa chính quyền với các doanh nghiệp, cơ quan chuyên môn cấp trên, các đơn vị giáo dục, các tổ chức liên quan trong quá trình triển khai mô hình ứng dụng thực tiễn; đồng thời chủ động tiếp nhận, lựa chọn và cụ thể hóa các sáng kiến, giải pháp phù hợp với điều kiện địa phương, tránh tình trạng triển khai dàn trải, thiếu trọng tâm hoặc sao chép mô hình không phù hợp.

3. Giải pháp khắc phục hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra

Ưu tiên khắc phục những hạn chế, khó khăn trực tiếp ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện nhiệm vụ, gồm: thiếu thiết bị công nghệ thông tin đạt chuẩn; thiếu máy scan, thiết bị số hóa, đường truyền, thiết bị bảo mật, phần mềm diệt virus có bản quyền, phần mềm và nền tảng AI có bản quyền để hỗ trợ cán bộ trong công tác chuyên môn. Trên cơ sở nhu cầu đã rà soát, xã tiếp tục đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí theo thứ tự ưu tiên. Gắn chặt hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng với nhiệm vụ của từng thôn; tiếp tục duy trì phương thức hỗ trợ trực tiếp, "*cầm tay chỉ việc"*, lấy kết quả người dân sử dụng được dịch vụ số làm tiêu chí đánh giá. Đồng thời, cần tăng cường trách nhiệm của các bộ phận chuyên môn trong việc đồng hành, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của các tổ, tránh tình trạng hoạt động hình thức hoặc thiếu đầu việc cụ thể. Khắc phục hạn chế về an toàn, an ninh thông tin bằng cách tiếp tục rà soát hệ thống, thiết bị, tài khoản, dữ liệu; cập nhật phần mềm, vá lỗ hổng bảo mật; thực hiện sao lưu định kỳ; xây dựng lộ trình hoàn thiện hồ sơ cấp độ an toàn hệ thống thông tin; tăng cường tuyên truyền nội bộ về bảo mật dữ liệu, sử dụng an toàn nền tảng số và chấp hành quy định bảo vệ bí mật nhà nước trong môi trường điện tử. thực hiện nghiêm nguyên tắc 6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ trách nhiệm trong toàn bộ quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Cụ thể:

Đối với UBND xã: Cụ thể hóa nghị quyết thành kế hoạch, chương trình triển khai; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về KHCN, ĐMST, CĐS trên địa bàn. Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ; nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý, điều hành.

Đối với các cơ quan chuyên môn: Tham mưu triển khai các nội dung cụ thể, hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện bảo đảm tiến độ, chất lượng các nhiệm vụ được giao, thường xuyên báo cáo định kỳ hằng quý, 6 tháng, năm.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia của UBND xã Vĩnh Tường 09 tháng đầu năm 2026./.

Nơi nhận:
- Đảng ủy, HĐND, MTTQ xã;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã;
- Các trường học, trạm y tế xã;
- Các doanh nghiệp, các thôn dân cư;
- Lưu: VT, VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĨNH TƯỜNG

Nguyễn Anh Tuấn